

TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

Ph.D NGUYỄN THỊ LAN

NỘI DUNG CƠ BẢN

- I. KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, ĐẶC ĐIỂM VÀ LỢI ÍCH CỦA TÍN DỤNG TIÊU DÙNG
- II. CÁC HÌNH THỨC TÍN DỤNG TIÊU DÙNG
- III. NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

I. KHÁI NIỆM, ĐỐI TƯỢNG, ĐẶC ĐIỂM VÀ LỢI ÍCH CỦA TDTD

■ ***Khái niệm:***

Tín dụng tiêu dùng (TDTD) là loại tín dụng nhằm tài trợ cho nhu cầu tiêu dùng của các dân cư trong xã hội.

■ ***Đối tượng của TDTD:*** là các ***nhu cầu*** của các cá nhân, như:

- Mua, sửa chữa nhà ở.
- Mua sắm các động sản (tiêu sản): ô tô, xe máy, ti vi, tủ lạnh...
- Các nhu cầu tinh thần: học tập, hôn lễ, du lịch...

Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng

- **Mục đích** của TDTD là đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cho dân cư
- **Đối tượng** của TDTD là các tiêu sản (tài sản không sinh lời) → nguồn trả nợ là thu nhập của người đi vay.
- **Chủ thể** tham gia quan hệ TDTD là:
 - Người đi vay: cá nhân, hộ gia đình;
 - Người cho vay: Ngân hàng, công ty tài chính, doanh nghiệp.
- **Quy mô** tín TDTD thường nhỏ.
- **Giá cả** của TDTD (lãi suất) thường cao
- **Hình thức** TDTD là hàng hóa hoặc tiền tệ;

Lợi ích của tín dụng tiêu dùng?

■ ***Đối với nền kinh tế:***

- Góp phần tăng tổng cầu → thúc đẩy SXKD phát triển;
- Đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ hàng hóa, nhất là hàng hóa ứ đọng;

■ ***Đối với ngân hàng:***

- Giúp mở rộng quan hệ khách hàng, từ đó làm tăng khả năng huy động tiền gửi của dân cư.
- Tạo điều kiện đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, phân tán rủi ro cho ngân hàng.

■ ***Đối với người tiêu dùng:***

- Góp phần nâng cao, cải thiện đời sống dân cư, cho phép dân cư được hưởng các tiện ích trước khả năng mua sắm.

Hạn chế của tín dụng tiêu dùng?

- Đây là loại hình tín dụng có rủi ro và chi phí tổ chức cho vay cao.
- Lãi suất cao
- Nếu lạm dụng thì sẽ làm cho người đi vay chi tiêu vượt mức cho phép, làm giảm khả năng tiết kiệm trong tương lai.
- Nếu TDTD được dùng để tài trợ mua sắm hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài thì sẽ làm giảm khả năng tiết kiệm trong nước.

II. CÁC HÌNH THỨC TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

- **2.1 Căn cứ vào phương thức hoàn trả khoản vay:**
 - *Cho vay trả góp*
 - *Cho vay từng lần (cho vay theo kỳ hạn)*
 - *Cho vay tuần hoàn (tín dụng vĩnh lai)*
- **2.2 Căn cứ vào hình thức đảm bảo tiền vay:**
 - *Cho vay cầm cố*
 - *Cho vay đảm bảo bằng lương hay thu nhập*
 - *Cho vay đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay*
- **2.2 Căn cứ vào nguồn gốc của khoản nợ:**
 - *Cho vay trực tiếp*
 - *Cho vay gián tiếp*

Cho vay trả góp

(Installment Consumer Loan)

- **KN**: cho vay trả góp là là hình thức CVTD, trong đó người đi vay trả nợ (gồm tiền gốc và lãi) cho NH nhiều lần, theo những kỳ hạn nhất định trong thời hạn vay.
- **Loại tài sản được tài trợ**: tài sản có giá trị lớn như: nhà ở, ô tô, xe máy.v.v.
- **Số tiền người vay phải trả trước**: 10%- 30% giá trị của tài sản mua trả góp.
- **Trả nợ trước hạn**: Người vay được thanh toán hết số tiền vay mà không bị phạt.

Cho vay tuần hoàn

(Revolving Consumer Credit)

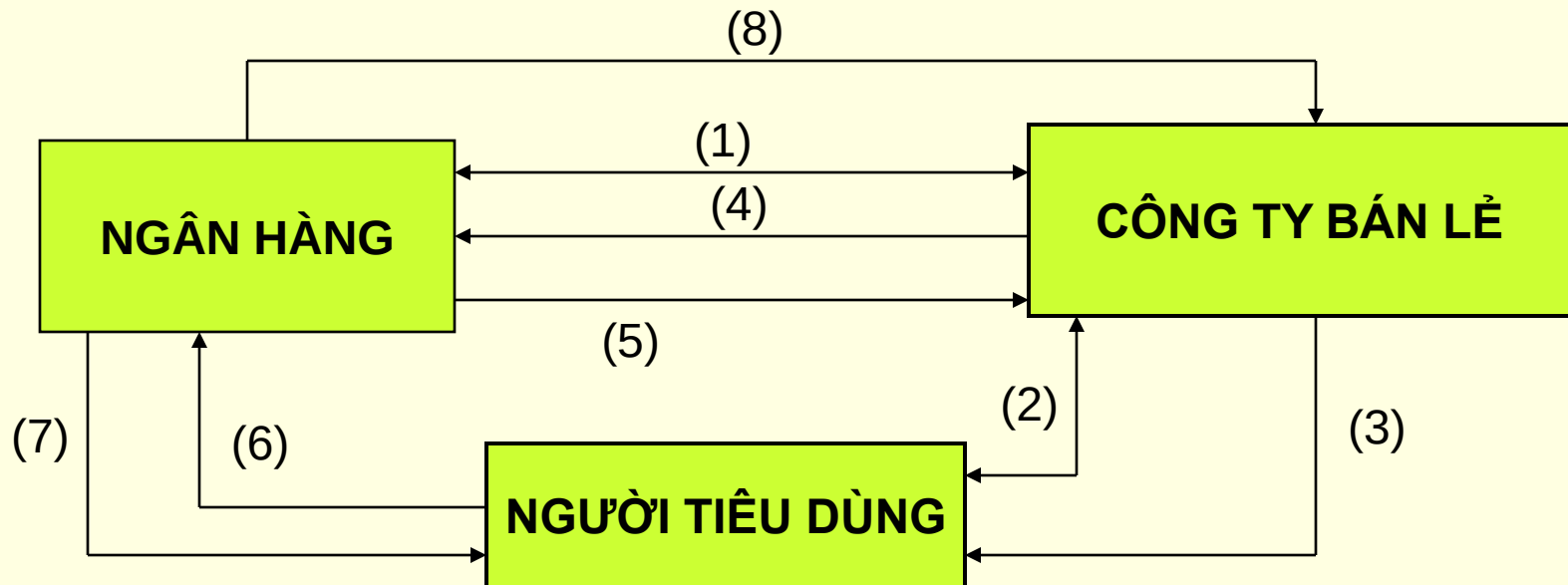
- ***Thấu chi***: là nghiệp vụ cho phép một cá nhân được phép phát hành séc vượt quá số dư có trên tài khoản vãng lai của cá nhân đó, tới một hạn mức đã được thỏa thuận trước.
- ***Thẻ tín dụng (Credit Card)***: là nghiệp vụ tín dụng trong đó NH phát hành thẻ cho những người có TK ở NH đủ ĐK cấp thẻ và ấn định mức giới hạn tín dụng tối đa mà người có thẻ được phép sử dụng.
- ***Thẻ thanh toán (Debit Card)***: là thẻ cấp cho khách hàng có TK thường xuyên dư có.

Lợi tức thu được từ hoạt động thẻ?

- ✓ Chiết khấu thương mại
- ✓ Lệ phí hàng năm
- ✓ Phí rút tiền mặt ứng trước
- ✓ Lãi suất trên số dư nợ ở ngày đáo hạn
- ✓ Lệ phí chuyển tiền liên ngân hàng

Cho vay gián tiếp (Indirect Consumer Loans)

- **Khái niệm:** Đó là hình thức cấp tín dụng mà qua đó ngân hàng mua các phiếu bán hàng từ những công ty bán lẻ đã bán chịu hàng hóa cho người tiêu dùng.



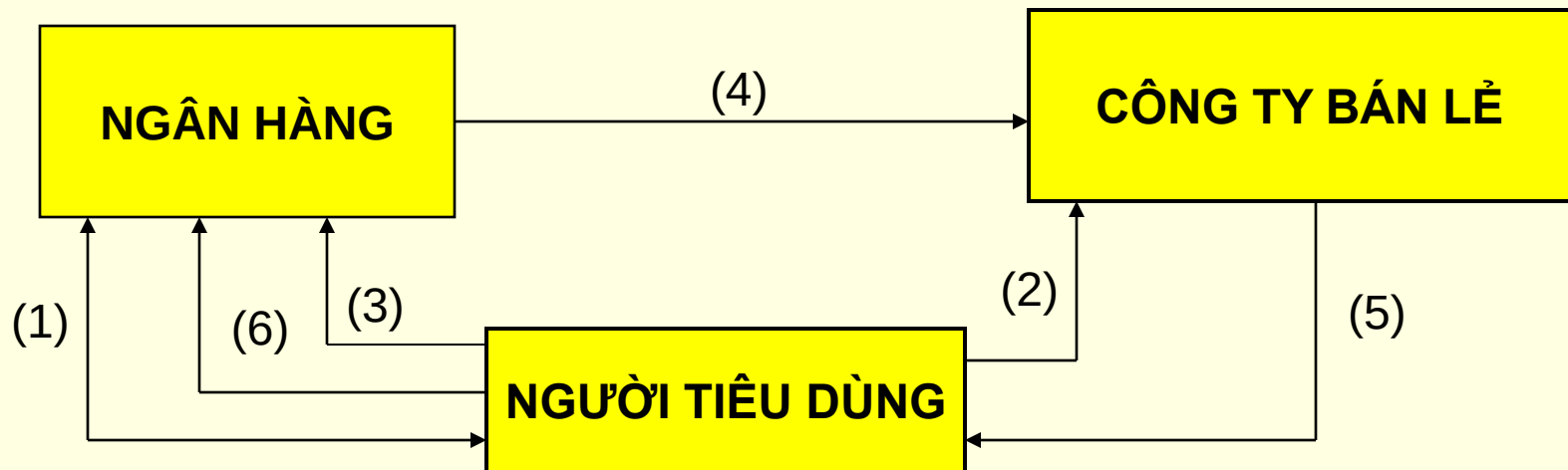
Các phương thức của CVTD gián tiếp

- 1. Phương thức tài trợ được truy đòi (Recourse Financing) → lãi suất thấp.**
 - Truy đòi toàn bộ (Full Recourse Financing)
 - Truy đòi hạn chế (Limited Recourse Financing)
- 2. Phương thức tài trợ miễn truy đòi (Nonrecourse Financing) → lãi suất cao.**
- 3. Phương thức tài trợ có mua lại (Repurchase Financing) :** công ty bán hàng được mua số dư thực tế chưa thanh toán, khi mà số dư này đã quá hạn thanh toán.

Cho vay trực tiếp

(Direct Consumer Loans)

- **Khái niệm:** Đó là hình thức cấp tín dụng mà trong đó ngân hàng trực tiếp tiếp xúc và cho khách hàng vay cũng như trực tiếp thu nợ từ khách hàng.



III. NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

3.1 Thủ tục về hồ sơ xin vay

3.2 Kỹ thuật thẩm định khách hàng vay và bảo đảm tiền vay

3.3 Xác định mức cho vay

3.4 Xác định nguồn trả nợ

3.5 Xác định thời hạn cho vay

3.6 Xác định lãi suất cho vay

3.7 Giải ngân

3.8 Theo dõi và thu nợ

3.1 Thủ tục về hồ sơ xin vay

■ Đơn xin vay

■ Các tài liệu liên quan:

- Tài liệu pháp lý (Chứng minh thư, sổ hộ khẩu...)
- Các tài liệu thông tin: nghề nghiệp, nguồn thu nhập, tình trạng gia đình, học vấn...
- Các tài liệu thuyết minh khoản tín dụng: nhu cầu chi phí, mức vốn tự có, nhu cầu vay...
- Các tài liệu về đảm bảo tiền vay (nếu có): tài sản cầm cố, thế chấp, cam kết bảo lãnh của bên thứ ba.

3.2 Kỹ thuật thẩm định khách hàng vay và bảo đảm tiền vay

- Năng lực pháp lý của người xin vay
- Độ tin cậy của người vay
- Mục đích tín dụng
- Năng lực hoàn trả
- Các đảm bảo tín dụng

3.3 Xác định mức cho vay

- **Khái niệm:** *Hạn mức tín dụng tiêu dùng là số dư nợ tối đa mà NH có thể cấp tín dụng cho một cá nhân (hay hộ gia đình) trong một kỳ.*
- **Phương pháp xác định tổng quát:**
$$HMTD = \text{Tổng chi phí - vốn tự có tham gia}$$
- **Phương pháp xác định theo mô hình điểm số tín dụng tiêu dùng** 

MÔ HÌNH ĐIỂM SỐ TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

ST T	Các hạng mục x.đ chất lượng TD	Điểm số
1	Nghề nghiệp của người vay- chuyên gia hay phụ trách KD- CN có kinh nghiệm- nhân viên VP- sinh viên- CN không có kinh nghiệm- CN bán thất nghiệp	10;8;7;5; 4;2
2	Trạng thái nhà ở- nhà riêng- nhà thuê hay căn hộ- sống cùng bạn hay người thân	6;4;2
3	Xếp hạng tín dụng- tốt- trung bình- không có hồ sơ- tồi	10;5;2;0
4	Kinh nghiệm nghề nghiệp- nhiều hơn một năm- từ một năm trở xuống	5;2
5	Thời gian sống tại địa chỉ hiện hành- nhiều hơn một năm- từ một năm trở xuống	2;1
6	Điện thoại cố định- có - không có	2;0
7	Số người sống cùng (phụ thuộc)- Không- Một- Hai- Ba- Nhiều hơn ba	3;3;4;4;2
8	Các TK tại NH- cả TK tiết kiệm và phát hành séc- chỉ TK tiết kiệm- chỉ TK phát hành séc- không có	4;3;2;0

MÔ HÌNH ĐIỂM SỐ TÍN DỤNG TIÊU DÙNG

Tổng số điểm của khách hàng	Q/định mức tín dụng
<i>Từ 28 điểm trở xuống</i>	<i>Từ chối tín dụng</i>
<i>Từ 29 – 30 điểm</i>	<i>Cho vay đến 500 USD</i>
<i>Từ 31 – 33 điểm</i>	<i>Cho vay đến 1.000 USD</i>
<i>Từ 34 – 36 điểm</i>	<i>Cho vay đến 2.500 USD</i>
<i>Từ 37 – 38 điểm</i>	<i>Cho vay đến 3.500 USD</i>
<i>Từ 39 – 40 điểm</i>	<i>Cho vay đến 5.000 USD</i>
<i>Từ 41 – 43 điểm</i>	<i>Cho vay đến 8.000 USD</i>

3.4 Xác định nguồn trả nợ

■ Bao gồm:

- *Thu nhập trong tương lai*
- *Số tiết kiệm (nếu có)*
- *Nguồn khác*

■ Công thức:

Nguồn trả nợ = Phần TN tiết kiệm để trả nợ + Số dư TK tiết kiệm + Nguồn khác

3.5 Xác định thời hạn cho vay

- Tùy từng mục đích, đối tượng mà kỳ hạn TDTD là khác nhau, bao gồm:

- Ngắn hạn
- Trung hạn
- Dài hạn

- Công thức:

$$T = \frac{V}{S}$$

Trong đó:

- *T là thời hạn cho vay (thời hạn trả nợ) (năm).*
- *V là tổng số tiền vay (gốc)*
- *S là nguồn trả nợ khả dụng/năm*

** Lưu ý: Xác định thời hạn và kỳ hạn trả nợ vay*

- ✓ *Thời hạn cho vay ko nên quá dài ➡ phụ thuộc vào thời hạn hoạt động của tài sản tài trợ*
- ✓ *Kỳ hạn trả nợ thường theo tháng*

3.6 Xác định lãi suất cho vay

❑ Căn cứ xác định lãi suất:

- *Lãi suất thị trường*
- *Thời hạn vay*
- *Mức vay*
- *Loại khách hàng*

❑ Công thức tổng quát:

- ***Lãi suất cho vay = Lãi suất huy động + phí cho vay***

❑ Việc xác định lãi suất cụ thể phụ thuộc vào cách tính lãi (*sẽ đề cập ở phần sau*).

3.7 Theo dõi và thu nợ

- **3.7.1 Theo dõi nợ:** định kỳ (6 tháng hoặc 1 năm) hay đột xuất, NH kiểm tra theo nội dung:
 - *Sự ổn định tài chính của người vay*
 - *Mục đích vay*
 - *Các đảm bảo*
 - *Tiến độ trả nợ*
 - *Diễn biến dư nợ trên tài khoản vãng lai*
 - ...

3.7.2 Thu nợ

- Tùy theo hình thức cấp tín dụng mà quá trình thu nợ diễn ra khác nhau:

3.7.2.1 Đối với tín dụng theo kỳ hạn:

Việc thu nợ được tiến hành theo kỳ hạn ghi trên khế ước. Việc tính lãi theo phương pháp lãi đơn.

$$V_t = V_o + V_o \times r$$

- **Trong đó:**
 - V_t là số tiền NH thu nợ khi đáo hạn
 - V_o là vốn gốc cho vay
 - r là lãi suất tính theo kỳ hạn vay

3.7.2 Thu nợ (tiếp...)

3.7.2.2 Đối với cho vay tuần hoàn:

- Việc hoàn trả gốc không cần xác lập định kỳ cụ thể, khách hàng có thể hạ dư nợ bằng việc nộp tiền vào tài khoản với số lượng và thời điểm tùy ý.
- Thời điểm tính lãi vào ngày cuối tháng hay chọn một ngày nhất định.

■ Việc tính tiền lãi có thể theo 3 phương pháp:

- (1) *Lãi được tính trên số dư nợ đã được điều chỉnh*
- (2) *Lãi được tính trên số dư nợ trước khi được điều chỉnh*
- (3) *Lãi được tính trên số dư nợ bình quân.*

Bài tập 2: Thu nợ đối với cho vay tuần hoàn

- Ngày 1/1/2011, Ông A được ngân hàng ACB cấp cho một thẻ tín dụng với hạn mức là 100 tr.đ. Với lãi suất 24%/năm. Việc tính lãi được thực hiện vào ngày cuối cùng hàng tháng. Số dư nợ vào ngày 01/02/2011 là 50 tr.đ. Ngày 10/02/2011 ông A nộp 10 tr.đ và ngày 27/02/2011 ông A nộp tiếp 20 tr.đ vào tài khoản vay ngân hàng.
- Hãy tính số lãi mà ông A phải trả trong tháng 2/2011 theo 3 phương pháp nêu trên.

(Sinh viên tự làm bài tập)

3.7.2 Thu nợ (tiếp...)

3.7.2.3 Đối với hình thức vay trả góp:

Số tiền phải thanh toán mỗi định kỳ có thể tính theo các phương pháp sau:

(1) Phương pháp lãi gộp (lãi tính theo dư nợ gốc và được phân bổ đều cho các kỳ)

$$V_t = \frac{V_0 + V_0 \times r \times n}{n}$$

Trong đó:

- V_t là số tiền trả góp định kỳ
- V_0 là vốn gốc vay ban đầu
- r là lãi định kỳ
- n là số kỳ trả nợ

(2) Phương pháp lãi đơn: Vốn gốc được thanh toán đều nhau và lãi được tính theo số dư nợ còn lại (xem thêm mục 3.7 chương 5- tín dụng trung dài hạn)

(3) Phương pháp hiện giá: gốc và lãi được thanh toán đều nhau qua các kỳ.

Bài tập 3: Thu nợ đối với hình thức vay trả góp

Ông A vay trả góp NH Liên Việt để mua một chiếc ô tô trị giá 1000 tr.đ, tỷ lệ vốn đối ứng của ông A tham gia là 30%, phần còn lại NH Liên Việt cho ông A vay. Thời hạn vay là 3 năm (36 tháng). Định kỳ thanh toán là hàng tháng. Lãi suất là 18%/năm. Hãy tính số tiền vay mà ông A phải trả hàng tháng theo 3 phương pháp:

- (1) *Phương pháp lãi gộp*
- (2) *Phương pháp lãi đơn*
- (3) *Phương pháp hiện giá*

(Sinh viên tự làm bài tập)

Lưu ý:

- Theo phương pháp lãi gộp, lãi được tính trên cơ sở dư nợ ban đầu cho toàn bộ thời hạn vay ➡ ***lãi suất thực tế mà người đi vay phải trả cao hơn rất nhiều lãi suất công bố.***
- Công thức quy đổi lãi suất công bố sang lãi suất thực tế (Effective Interest Rate- EIR):

$$EIR = \frac{2mL}{V_0 \times (n+1)} = \frac{2 \times r \times n}{n+1}$$

Trong đó:

- *L là tổng số lãi phải trả*
- *V₀ là vốn gốc cho vay*
- *n là tổng số kỳ thanh toán*
- *m là số kỳ thanh toán trong năm*
- *r lãi suất công bố theo năm*

Người tiêu dùng nên vay tiền ở đâu?

	NGÂN HÀNG A	NGÂN HÀNG B
Lãi suất công bố	12%/năm	18%/năm
Vốn vay (tr.đ)	30	30
Thời hạn vay	18 tháng	18 tháng
Phương thức t/ toán	Hàng tháng	Hàng tháng
Cách tính lãi	<i>Tính trên dư nợ ban đầu</i>	<i>Tính trên dư nợ thực tế giảm dần</i>
Tổng lãi phải trả	5,4 tr.đ	4,097 tr,đ
Lãi suất thực (EIR)	22,73%/năm	